

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DS-PT
Ngày: 17/02/2025
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Phương Thanh, ông Võ Bảo Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 17/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 414/2024/TLPT-DS ngày 09/12/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 513/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc Thanh M**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số H, đường Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Huy K, sinh năm: 1987. (có mặt).
(Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2024 tại Văn phòng C1).

* Bị đơn:

1. Ông **Hồng Chánh L**, sinh năm 1963.

2. Bà **Đỗ Thị Ngọc L1**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A, V, Khu vực 2, khu dân cư N, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo Giấy ủy quyền ngày 29/7/2024 gồm: 1. Ông **Huỳnh Phước C**. (có mặt)

2. Bà **Trần Thị Thùy T**. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số F B, khu dân Cư P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Hồng Nhật H.** Địa chỉ: Số A - D khu dân Cư N, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M.

NỘI DUNG VỤ KIẾN

* *Nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông Hồng Chánh L, bà Đỗ Thị Ngọc L1 đã nhiều lần hỏi vay tiền của bà và hứa vài tháng sẽ trả lại nên nguyên đơn đã cho vợ chồng ông Hồng Chánh L, bà Đỗ Thị Ngọc L1 vay tiền nhiều lần bằng hình thức chuyển vào tài khoản số: 0111000226142 của bà Đỗ Thị Ngọc L1 mở tại Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh C2 như sau:

Lần 1: ngày 14/07/2022 là 02 tỷ đồng (Hai tỷ đồng).

Lần 2: ngày 30/09/2022 là 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng).

Lần 3: ngày 21/10/2022 là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

Lần 4: ngày 26/12/2022 là 06 tỷ đồng (Sáu tỷ đồng).

Tổng số tiền mà nguyên đơn đã cho vợ chồng ông Hồng Chánh L, bà Đỗ Thị Ngọc L1 vay 04 lần là 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng) từ năm 2022 và lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Thời gian đầu thì vợ chồng ông L, bà L1 đóng lãi cho nguyên đơn đầy đủ cho đến tháng 06/2023 thì không trả tiền gốc, cũng như tiền lãi cho nguyên đơn cho đến nay.

Do quyền lợi và lợi ích bị ảnh hưởng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 số tiền nợ vay tổng cộng 10.500.000.000 đồng. lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/06/2023 cho đến khi phía bị đơn thanh toán dứt nợ. Đối với nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn thì không đồng ý. Vì số tiền mà phía bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn hơn 10 tỷ đồng từ năm 2020 đến năm 2023 vào tài khoản bà là đúng theo như sao kê mà bị đơn cung cấp. Nhưng số tiền đó là khoản vay mượn nợ khác không nằm trong khoản nợ vay này. Cụ thể là vào ngày 29/11/2022, thì bà có chuyển khoản cho bà L1 số tiền vay 02 tỷ đồng, ngày 14/12/2022 thì bà có chuyển thêm số tiền 02 tỷ đồng (06 đợt), đến ngày 29/12/2022 bà có chuyển thêm 1.800.000.000 đồng (01 đợt). Đến ngày 30/12/2022 bà chuyển thêm 400.000.000 đồng (01 đợt). Tất cả số tiền bà chuyển vào tài khoản của bà L1. Đến ngày 02/02/2023, thì bà L1 chuyển vào tài khoản của bà 4.700.000.000 đồng cùng ngày bà trả tiền mặt cho ông L 03 tỷ đồng có tin nhắn điện thoại chứ không có lập biên nhận và chuyển khoản cho bà L1 1.700.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý. Đối với các số tiền mà ông L vay từ ngày 29/11/2022 đến ngày 30/12/2022 thì không nằm trong số tiền bà khởi kiện, số tiền mà ông L sao kê là để trả cho khoản nợ vay này, khoản vay trả rồi thì ông L có trả lãi cho bà còn số tiền lãi và lãi suất trả bà không nhớ.

* *Phía bị đơn ông Hồng Chánh L, bà Đỗ Thị Ngọc L1 trình bày:* Theo như bị đơn cung cấp thì bị đơn và bà M có quen biết với nhau và có giao dịch vay mượn tiền

nhiều lần với nhau. Phía bị đơn có vay số tiền của nguyên đơn 10.500.000.000 đồng từ nguyên đơn như nguyên đơn đã khởi kiện nhưng số tiền này đã được thanh toán toàn bộ số tiền gốc này ngày 02/02/2023 cụ thể:

Ngày 30/10/2022, trả số tiền 35.000.000 đồng (01 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 13/12/2022, trả tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (04 đợt) cho nguyên đơn

Ngày 23/12/2022, trả tổng số tiền 2.000.000.000 đồng (04 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 25/12/2022, trả số tiền 60.000.000 đồng (01 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 30/12/2022, trả số tiền 35.000.000 đồng (01 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 04/01/2024, trả tổng số tiền 1.242.000.000 đồng (04 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 05/01/2023, trả tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (02 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 14/01/2023, trả số tiền 70.000.000 đồng (01 đợt) cho nguyên đơn

Ngày 19/01/2023, trả tổng số tiền 606.000.000 đồng (03 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 21/01/2023, trả số tiền 60.000.000 đồng (01 đợt) cho nguyên đơn

Ngày 30/01/2023, trả tổng số tiền 395.000.000 đồng (03 đợt) cho nguyên đơn.

Ngày 02/02/2023, trả tổng số tiền 3.000.000.000 đồng (06 đợt) cho nguyên đơn.

Việc bị đơn thanh toán trả tiền cho phía nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của nguyên đơn. Về phần lãi thì phía nguyên đơn đã xác định là trả xong đến tháng 04/2023 nên bị đơn không cần chứng minh. Đối với số tiền mà nguyên đơn cho rằng chuyển trả là của khoản vay khác thì phía bị đơn chưa đối chiếu nên chưa có ý kiến. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không đồng ý và giữ nguyên nội dung yêu cầu phản tố.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại Bản án số 145/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M về việc yêu cầu bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 trả số tiền gốc 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 2.333.333.333 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 về việc xác định số tiền gốc 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng) đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M và không chấp nhận số tiền lãi 2.333.333.333 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) mà nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M yêu cầu bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 phải có nghĩa vụ trả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên xử nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Căn cứ Bản tự khai ngày 01/7/2024 (bút lục số 106) bị đơn ông L thừa nhận. Nợ gốc có trả cho bà M 01 tỷ đồng còn 9,5 tỷ đồng. Bị đơn thừa nhận còn nợ bà M 9,5 tỷ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thu thập thêm chứng cứ ở Cơ quan Điều tra. Nguyên đơn chuyển tiền cho bị đơn là sự thật. Việc bị đơn trả tiền qua ngân hàng là một khoản nợ khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía đại diện bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn nhưng sau đó có chuyển trả đầy đủ. Nguyên đơn không chứng minh được khoản tiền ngoài khoản nợ của bị đơn chuyển trả đôi dư hơn số nợ. Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Trần Ngọc Thanh M có chuyển vào tài khoản bà Đỗ Thị Ngọc L1 số tiền 04 lần là 10.500.000.000 đồng và bà L1 thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Tuy nhiên, phía bị đơn cũng chứng minh đã chuyển trả vào tài khoản của nguyên đơn là 10.502.999.982 đồng. Đối với các khoản vay khác (ngoài 04 khoản vay theo yêu cầu khởi kiện) nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị áp dụng Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” Tòa án nhân dân quận Cái Răng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét.

Việc ủy quyền của các đương sự là đúng quy định pháp luật. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét nội dung vụ kiện nhận thấy:

[2.1] Xét tiền vốn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phía bị đơn phải trả số tiền vốn là 10.500.000.000 đồng qua 04 lần nguyên đơn chuyển vào tài khoản bị đơn. Đồng thời, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi số tiền trên. Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 10.500.000.000 đồng trên nhưng đã chuyển trả xong số tiền trên cho nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý trả và có phản tố yêu cầu tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua xem xét Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào chứng cứ và lời thừa nhận của bị đơn thì nguyên đơn có chuyển vào tài khoản của bà Đỗ Thị Mỹ L2 vào các ngày: ngày 14/07/2022 là 2.000.000.000 đồng, ngày 30/09/2022 là 1.000.000.000 đồng, ngày 21/10/2022 là 1.500.000.000 đồng, ngày 26/12/2022 là 6.000.000.000 đồng. Tổng số tiền 10.500.000.000 đồng. Việc chuyển tiền này là đúng sự thật được hai bên thừa nhận. Tuy nhiên, phía bị đơn cũng chứng minh được việc bị đơn có chuyển trả số tiền cho nguyên đơn như sau: Ngày 30/10/2022, trả 01 đợt với số tiền 35.000.000 đồng. Ngày 13/12/2022, trả 04 đợt tổng số tiền 2.000.000.000 đồng. Ngày 23/12/2022, trả 04 đợt tổng số tiền 2.000.000.000 đồng. Ngày 25/12/2022, trả 01 đợt số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 30/12/2022, trả 01 đợt số tiền 35.000.000 đồng. Ngày 04/01/2024, trả 04 đợt tổng số tiền 1.242.000.000 đồng. Ngày 05/01/2023, trả 02 đợt tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 14/01/2023, trả 01 đợt số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 19/01/2023, trả 03 đợt tổng số tiền 606.000.000 đồng. Ngày 21/01/2023, trả 01 đợt số tiền 60.000.000 đồng. Ngày 30/01/2023, trả 03 đợt tổng số tiền 395.000.000 đồng. Ngày 02/02/2023, trả 06 đợt tổng số tiền 03 tỷ đồng.

Về phía nguyên đơn: Nguyên đơn thừa nhận việc bị đơn có giao dịch và chuyển tiền nhiều lần. Tuy nhiên, phía nguyên đơn cho rằng các lần chuyển khoản này của bị đơn là nhằm thực hiện thanh toán số tiền mà nguyên đơn đã chuyển cho vay khác cụ thể là: Vào ngày 29/11/2022, chuyển khoản cho bà L2 số tiền vay 02 tỷ đồng; ngày 14/12/2022 chuyển thêm số tiền 02 tỷ đồng; ngày 29/12/2022 chuyển thêm 1.800.000.000 đồng. Đến ngày 30/12/2022, chuyển thêm 400.000.000 đồng. Đến ngày 02/02/2023, chuyển khoản cho bà L2 1.700.000.000 đồng và đưa tiền mặt 03 tỷ đồng. Xét lời trình bày này của nguyên đơn là không có chứng cứ chứng minh và phía bị đơn không thừa nhận. Nếu tính tổng số tiền bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn là vượt số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn. Nguyên đơn không chứng minh bị đơn còn nợ khoản tiền khác ngoài 04 khoản tiền trên.

[2.2] Xét tiền lãi: Nguyên đơn thừa nhận không có lập biên nhận để xác định thời hạn cho vay mà chỉ do các bên thỏa thuận nhưng phía nguyên đơn không cung cấp được biên nhận thể hiện nội dung mà nguyên đơn đã trình bày. Nội dung chuyển tiền không thể hiện việc cho vay và có lãi suất. Do lời khai, lời trình bày của nguyên đơn không phù hợp với tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp

nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần đòi tiền lãi. Đối với số tiền mà bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn nhiều hơn số tiền gốc mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn thì bị đơn không yêu cầu nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Xét khoản tiền khác: Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn xác định có đưa tiền mặt cho nguyên đơn số tiền 01 tỷ đồng, phía nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền này nhưng theo nguyên đơn xác định số tiền 01 tỷ đồng này là để trả nợ cho số tiền 4.700.000.000 đồng. mà nguyên đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong quá trình điều tra tại Công an thành phố C chứ không phải thực hiện việc thanh toán đối với khoản nợ này. Tại bản tự khai, ông L xác định số tiền 01 tỷ đồng tiền mặt đưa cho nguyên đơn là để trả nợ cho khoản vay này nhưng trong quá trình hòa giải, đơn phản tố cũng như tại phiên tòa thì bị đơn không yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 01 tỷ đồng này do đó Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn đã chứng minh được việc đã trả cho nguyên đơn là 10.502.999.982 đồng. (nhiều hơn số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn) nên phản tố của bị đơn có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm tuyên có phần thiệt thòi quyền lợi cho bị đơn nhưng bị đơn không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên yêu cầu không chấp nhận và yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận. Bị đơn là người người cao tuổi đã được miễn tạm ứng án phí.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu theo quy định.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Ngọc Thanh M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M về việc yêu cầu bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 trả số tiền

gốc 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/06/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 2.333.333.333 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 về việc xác định số tiền gốc 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng) đã thực hiện thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M và không chấp nhận số tiền lãi 2.333.333.333 đồng (Hai tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) mà nguyên đơn bà Trần Ngọc Thanh M yêu cầu bị đơn ông Hồng Chánh L và bà Đỗ Thị Ngọc L1 phải có nghĩa vụ trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 120.833.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003486 ngày 28/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thì nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 60.618.000 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Ngọc Thanh M phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003719 ngày 02/10/2024 thành tiền án phí phúc thẩm. Bà M đã nộp xong.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Q. Cái Răng;
- Chi cục THADS Q. Cái Răng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Phương Thanh - Võ Bảo Anh

Nguyễn Văn Hải